VẬN DỤNG CÁCH TIẾP CẬN NHÂN HỌC (ANTHROPOLOGY) TRONG ĐÀO TẠO KHOA HỌC PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY(*)

ĐẬU CÔNG HIỆP
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 19/4/2025. Sửa chữa xong 23/4/2025. Duyệt đăng 29/4/2025.

Abstract

Based on the analysis of some theoretical issues on the anthropological approach, the article offers some suggestions for legal science training in Vietnam, especially in applying interdisciplinary and multidisciplinary approaches; enhancing practicality in training. Especially in the context of Vietnam being a country with diverse culture, ethnicity as well as historical traditions with long-standing customs and practices, the application of anthropological approaches in legal science training holds significant potential.

Keywords: *Anthropology, law, training, legal science.*

1. Đặt vấn đề

Nhân học là một lĩnh vực khoa học lâu đời, có đối tượng nghiên cứu tương đối rộng và có tính giao thoa với ngành khoa học pháp lý. Điều đó thể hiện ở chỗ con người, bao gồm góc độ cá nhân, tổ chức và xã hội là đối tượng nghiên cứu chung của hai lĩnh vực này nhưng được nhìn nhận ở những góc khác nhau. Nếu như khoa học pháp lý tập trung nghiên cứu con người trong mối tương quan với nhà nước và pháp luật thì nhân học còn nhìn nhận các quy phạm xã hội (social norms) là một phần không thể tách rời trong các yếu tố điều chỉnh hành vi con người. Thực tế cho thấy điều đó gây ra cách hiểu, cách áp dụng, cách phản ứng khác nhau giữa các cá nhân cũng như cộng đồng dân cư (dựa trên tôn giáo, sắc tộc, quê quán) đối với pháp luật và điều đó có thể gây ra những khó khăn nhất định trong công tác áp dụng pháp luật và chúng ta phải đặt lại câu hỏi đó là quá trình xây dựng pháp luật đã cân nhắc tới những sự khác biệt đó chưa. Từ đó, trên cơ sở khái quát về các vấn đề lý luận, bài viết này lý giải nhu cầu phải vận dụng cách tiếp cận nhân học trong đào tạo khoa học pháp lý cũng như một số phương hướng cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật

Để làm rõ được những vấn đề lý luận liên quan, chúng ta cần làm rõ một số khái niệm công cụ như sau:

Về nhân học, đây là một lĩnh vực khoa học tương đối rộng lớn, với mục đích "nghiên cứu bản chất con người với tất cả các mặt khác nhau của nó trong tiến trình lịch sử từ truyền thống đến hiện đại" [3, tr. 11]; hay cụ thể hơn đây là ngành khoa học nghiên cứu về loài người, liên quan đến hành vi con người, con người sinh học, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ gồm cả hiện tại và quá khứ. Với một cách nhìn rộng như vậy, bản thân trong ngành nhân học cũng có những tranh luận về phạm vi, đối tượng nghiên cứu cũng như bản chất của khoa học này. Tuy nhiên, có thể thấy nhân học gắn bó mật thiết với tất cả các khía cạnh cơ bản của con người như hình thể, văn hóa, dân tộc và có hướng đi chủ yếu là đưa ra các kiến giải về sự khác biệt trong hành vi giữa các nhóm xã hội. Vì vậy, ngành nhân học phát triển đến đầu thế kỷ XX thì ra

(*) Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường của Trường Đại học Luật Hà Nội: "Nhân học pháp luật (legal anthropology) – khung lý thuyết và khả năng vận dụng tại Việt Nam".

Email: dauconghiep@hlu.edu.vn

đời lĩnh vực "nhân học ứng dụng" với mục đích giải quyết những vấn đề thực tiễn, trong đó "tập trung nghiên cứu chính sách xã hội và cung cấp những thông tin hiểu biết của mình về các nhóm xã hội cho các nhà hoạch định chính sách" [3, tr.10]. Từ đó, có thể hình dung cách tiếp cận nhân học là việc tìm tới những sự khác biệt trong quan niệm và hành động giữa các nhóm xã hội thông qua các phương pháp thu thập thông tin và phân tích, lý giải dựa trên sắc tộc, văn hóa, tập quán.v.v.; và cách tiếp cận này có thể được vận dụng trên nhiều góc độ, trong đó có cả việc xây dựng chính sách, pháp luật.

Từ đây, ta thấy được sự liên quan giữa cách tiếp cận nhân học với việc xây dựng pháp luật. Bản chất đến cùng của pháp luật cũng chỉ là các quy tắc xử sự, bên cạnh nhiều yếu tố khác tác động và điều chỉnh hành vi của con người như trình độ học vấn, nền tảng văn hóa, niềm tin tôn giáo, bản sắc dân tộc.v.v. Và chúng có thể tác động tới mức độ tuân thủ pháp luật của người dân theo những chiều hướng khác nhau. Nhân học với tư cách một phương thức tiếp cận sẽ giải quyết nguyên nhân của sự khác biệt trong nhận thức và hành vi của người dân với nội dung quy phạm pháp luật và là cơ sở để các chủ thể tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật có thể cân nhắc trong việc đưa ra các quy phạm phù hợp nhất.

Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, có thể thấy việc ứng dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật đã có một nền tảng phát triển tương đối vững chắc và dần hình thành ngành nhân học pháp luật (legal anthropology). Trong đó, nhân học pháp luật có thể coi là một bộ phận của triết học pháp luật [10] nhưng cũng là một khoa học có tính chất độc lập mặc dù còn tương đối non trẻ. Lý thuyết làm nền tảng của cách tiếp cận nhân học trong pháp luật đó là thuyết "đa nguyên pháp lý" (legal pluralism) nghĩa là sự tồn tại của nhiều hệ thống quy tắc trong cùng một xã hội khiến cho pháp luật với tư cách hệ thống quy tắc xử sự có tính quyền lực đôi khi bị kìm hãm bởi những hệ thống quy tắc khác.

Một ví dụ thường được đặt ra để làm rõ lý thuyết này là hiện tượng xảy ra ở các nước thuộc địa, bên cạnh việc bị điều chỉnh bởi luật do nước đô hộ thì thực tế người dân đã quen với những điều luật truyền thống [1, tr.93-108]. Điều này rất quen thuộc ở Việt Nam, đặc biệt trong thời kỳ chúng ta bị các triều đại Trung Quốc đô hộ. Cụ thể, bên lề luật pháp mà người Hán cai trị đã ban bố trên đất Việt thì thực tế người Việt cổ vẫn tuân theo những lề luật cũ, điều đó khiến cho Mã Viện đã phải thừa nhận luật Việt khác luật Hán 10 điểm [12]. Hơn thế, việc thường xuyên trải qua các cuộc đấu tranh giành độc lập cũng phần nào hình thành "phản xạ tâm lí" mang tính phản kháng của người Việt [4], đồng thời sự hình thành tư tưởng "phép vua thua lệ làng" vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng tới ngày nay cũng là một hình ảnh rõ ràng của hiện tượng "đa nguyên pháp lý".

Mở rộng ra, hiện tượng đa nguyên pháp lý không chỉ tồn tại ở những quốc gia thuộc địa mà được cho là ở mọi xã hội. Các học giả nhân học pháp luật cho rằng bên ngoài pháp luật do nhà nước ban hành thì sự tồn tại của các quy tắc xử sự mang tính phi chính thức là điều tất yếu ở mọi xã hội [5]. Và trọng tâm nghiên cứu của nhân học pháp luật đó là mối quan hệ giữa các quy tắc khi chúng cùng điều chỉnh về một vấn đề. Mối quan hệ này có thể chia thành các nhóm: (1) Xung đột; (2) Cạnh tranh; (3) Hợp tác; và (4) Bổ trợ.

Thực tế ở Việt Nam, mặc dù lý thuyết nhân học pháp luật ít khi được nhắc tên hoặc được phổ biến nhưng cách tiếp cận này vẫn là một hướng nghiên cứu khá rõ nét. Ví dụ trong khoa học về lý luận nhà nước và pháp luật có một nội dung về pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội, trong đó giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác (còn gọi là những thể chế phi quan phương) có sự độc lập nhau nhất định [7, tr.230]. Tuy nhiên, sự khác biệt trong cách tiếp cận nhân học pháp luật là ở chỗ các quy tắc phi pháp luật không được nhìn nhận như một "công cụ" và cũng không đặt ra việc phải cùng nhau "điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách có hiệu quả". Vấn đề chủ yếu của hướng tiếp cận này là dùng các tri thức về nhân chủng, văn hóa, lịch sử để giải thích những hành vi của con người với những khuynh hướng khác biệt so với các quy phạm pháp luật.

2.2. Nhu cầu vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Về triết lý đào tạo, trong thực tế, tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học thường được dùng để giải

quyết một vấn đề pháp lý phức tạp mà nếu chỉ vận dụng những lý thuyết, kiến thức và phương pháp của riêng một ngành luật nào đó thì không đủ để đưa ra những luận điểm và giải pháp thuyết phục. Ví dụ, những vấn đề về môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển (gồm phát triển bền vững), quyền con người… thường đồng thời được nghiên cứu bởi nhiều ngành luật và đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành luật để có thể đề ra các chính sách và văn bản pháp luật phù hợp [11]. Xét từ góc độ triết lý đào tạo, có thể thấy việc vận dụng Nhân học pháp luật trong bối cảnh tiếp cận đa ngành, liên ngành và xuyên ngành chính là sự đổi mới tư duy đào tạo, nhận thức ở tầng cao hơn, khái quát hơn, trong một không gian rộng lớn hơn về pháp luật và có thể coi là "tất yếu" trong bối cảnh nghiên cứu hiện nay [9]. Việc đưa Nhân học pháp luật vào đào tạo cũng thể hiện một triết lý mới, đặc biệt trong việc tăng tính thực tiễn của chương trình đào tạo. Cụ thể, người học không chỉ nghiên cứu trên sách vở có sẵn mà được tiến hành nghiên cứu thực tiễn trong việc quan sát trực tiếp, tham gia chính đời sống sinh hoạt của tộc người để tìm hiểu từ góc nhìn từ bên trong cộng đồng. Người học cũng được đào tạo các kỹ năng phỏng vấn, thâm nhập, nghiên cứu định tính, khảo sát định lượng, thống kê…phục vụ cho quá trình nghiên cứu, khảo sát thực địa. Đây là những kỹ năng cần thiết cho việc thực hành nghề luật trong tương lai, đặc biệt là những công việc liên quan đến xây dựng chính sách, phục vụ cộng đồng. Vì vậy, có thể thấy việc vận dụng Nhân học trong đào tạo khoa học pháp lý chính là đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong việc thay đổi triết lý đào tạo luật theo hướng ứng dụng thực tiễn cao hơn.

Về phương pháp nghiên cứu, đào tạo, Nhân học là ngành khoa học có phạm vi rộng hơn cả về lịch sử, địa lý và có tính tổng thể trong cách tiếp cận nghiên cứu con người so với các ngành học khác. Vì vậy, phạm vi nghiên cứu của nhân học rất rộng. Theo truyền thống, các nhà nhân học đã chọn cách tiếp cận bản chất con người theo hai hướng khác nhau: nhân học hình thể và nhân học văn hóa. Cho nên các phân ngành của nhân học được chia thành hai nhóm: nhân học hình thể và nhân học văn hóa; mà trong đó Nhân học pháp luật thuộc về nhóm nhân học văn hóa [6]. Mục đích chung của nhóm này là nghiên cứu tính đa dạng của các nền văn hóa cũng như các khía cạnh văn hóa của con người với các suy nghĩ và hành xử với tư cách là thành viên của xã hội. Để làm được điều đó, Nhân học thường sử dụng phương pháp tham gia sâu tại một hoặc vài ba cộng đồng từ một năm trở lên và thông thạo ngôn ngữ địa phương nào mình điền dã. Điền dã dân tộc học là công việc bắt buộc và thường xuyên đối với nhà nghiên cứu nhân học. Ở Việt Nam, nhu cầu ứng dụng phương pháp điền dã trong nghiên cứu khoa học pháp lý thể hiện qua hoạt động nắm bắt tư tưởng, quan điểm pháp luật của người dân, đặc biệt là ở những khu vực có cộng đồng mang đậm bản sắc dân tộc. Thực tế thì nghiên cứu điền dã đã được sử dụng nhiều ở khu vực Tây Nguyên nhằm tìm hiểu luật tục và đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước [2] cũng như nhu cầu pháp lý của người dân trong một số lĩnh vực [8]. Trong bối cảnh nghiên cứu khoa học pháp lý chủ yếu là dựa trên các nghiên cứu tại bàn (desk research) thì việc sử dụng thêm các phương pháp tìm kiếm thông tin như điền dã là hoàn toàn cần thiết và cũng phù hợp với xu hướng nghiên cứu liên ngành trong luật học ở Việt Nam. Đối với đào tạo luật, việc sử dụng phương pháp và tri thức nhân học cũng góp phần đổi mới và phát triển tư duy và kỹ năng cho người học. Đặc biệt, nhân học thúc đẩy tư duy phản biện bằng cách khuyến khích việc đặt câu hỏi về các giả định, hiểu các quan điểm đa dạng và xem xét các xã hội và nền văn hóa của con người thông qua lăng kính phân tích, diễn giải và đánh giá. Điều này thể hiện ở chỗ: (1) Nhân học pháp luật đòi hỏi nghiên cứu các nền văn hóa, xã hội và hệ thống quy phạm khác nhau, điều này khuyến khích mọi người xem xét các quan điểm vượt ra ngoài quan điểm của riêng họ và thách thức các quan niệm cố hữu của họ; (2) Nghiên cứu Nhân học pháp luật thường bao gồm việc thu thập và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Quá trình này đòi hỏi các kỹ năng tư duy phản biện để diễn giải các phát hiện, xác định các mô hình và rút ra kết luận có ý nghĩa; (3) Với Nhân học pháp luật, cần xem xét các giả định cơ bản trong các hoạt động văn hóa, cấu trúc xã hội và hành vi của con người. Quá trình đặt câu hỏi này khuyến khích tư duy phản biện và giúp mọi người phát triển sự hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới; và (4) Đào tạo Nhân học pháp luật bao gồm việc tìm hiểu về các khuôn khổ lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khác nhau, giúp các cá nhân phát triển sự hiểu biết sâu sắc hơn về xã hội và nền văn hóa của con người.

Tóm lại, nhu cầu vận dụng Nhân học pháp luật trong nghiên cứu khoa học pháp lý ở Việt Nam thể hiện trên nhiều khía cạnh. Điều đó không chỉ làm giàu thêm tri thức khoa học, phương pháp tiếp cận mà còn mang lại nhiều ích lợi trong đào tạo. Trong bối cảnh hội nhập cũng như đa dạng hóa về tri thức, nghiên cứu luật học đòi một khuôn khổ triết lý rộng lớn hơn cũng như hệ thống phương pháp tiên tiến hơn. Nhân học pháp luật đóng góp một phần trong nhu cầu đó.

2.3. Phương hướng vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Sau khi thống nhất đất nước, cơ sở đào tạo luật đầu tiên của Việt Nam được thành lập vào năm 1976 là Khoa Pháp lý thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1979, Khoa Pháp lý đã hợp nhất với Trường Cao đẳng pháp lý thuộc Ủy ban Pháp chế của Chính phủ để hình thành nên Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội) trực thuộc Bộ Tư pháp. Đến nay, sau hơn 45 năm phát triển, Việt Nam chứng kiến một sự tăng trưởng nhanh chóng về số lượng các cơ sở đào tạo luật. Từ chỗ chỉ có chưa đến 10 đơn vị đào tạo vào đầu những năm 2000, đến giai đoạn 2015-2016 đã có đến gần 50 cơ sở, và con số này đã đạt đến gần 100 vào năm 2021. Tức là, sau 20 năm, đã có thêm gần 90 cơ sở được cấp phép đào tạo cử nhân luật. Việc tăng lên nhanh chóng về số lượng các cơ sở đào tạo Luật ở Việt Nam thể hiện nhu cầu xã hội lớn về đào tạo chuyên ngành luật. Ở một khía cạnh nào đó, đây là một xu hướng tích cực cho việc xây dựng đội ngũ nhân lực pháp lý, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng việc cấp phép đào tạo luật tràn lan, và có phần 'dễ dãi' cũng dẫn đến những lo ngại về chất lượng đào tạo cử nhân luật hiện nay.

Tuy pháp luật đã quy định về khung chuẩn chương trình đào tạo, nhưng việc đào tạo luật vẫn có những tồn tại, hạn chế nhất định trong đó có việc chương trình đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay bị chuyên sâu hóa rất cao, không chú trọng đến đào tạo liên ngành, xuyên ngành, đào tạo những kiến thức mới về công nghệ, kiến thức cập nhật. Các môn học mang tính liên ngành, xuyên ngành chưa được chú trọng đầu tư. Trong đó, việc vận dụng Nhân học ở các cơ sở đào tạo luật có thể coi là hoàn toàn vắng bóng. Tuy nhiên, ở phía ngược lại, có thể thấy trong đào tạo ngành nhân học thì đã có cơ sở giáo dục đưa môn Nhân học pháp luật vào chương trình đào tạo bậc đại học.

Ở một số nước châu Á, pháp luật quốc gia thừa nhận chủ nghĩa đa nguyên pháp luật và ở những nước này, sinh viên phải học những nội dung khác bên cạnh pháp luật quốc gia ví dụ như pháp luật đạo Hồi hoặc luật tục mà nhà nước bắt buộc phải thừa nhận. Ở Trường Đại học quốc gia Singapore (NUS), khóa học mang tính giới thiệu chung có tên là "Các truyền thống pháp luật so sánh" là khoá học bắt buộc được giảng dạy cho các sinh viên năm thứ hai. Khoá học này giới thiệu về pháp luật adat (luật tục), pháp luật Hindu, pháp luật đạo Hồi, Civil Law và pháp luật Trung Hoa.

Trên cơ sở những phân tích trên, chúng tôi có một số gợi ý về khả năng vận dụng Nhân học pháp luật vào đào tạo khoa học pháp lý ở Việt Nam như sau:

- Có thể thiết kế Nhân học pháp luật thành một học phần thuộc hệ đại học hoặc cao học, với thời lượng vừa phải (2 tín chỉ - 30 tiết). Trong bối cảnh đào tạo dựa trên tín chỉ, số lượng môn học chuyên ngành rất nhiều, việc lựa chọn thời lượng như trên là vừa phải. Ngoài ra, chỉ nên quy định môn học này là môn tự chọn. Điều này vừa phù hợp với bản chất và vị trí của môn học, đồng thời cũng tránh gây áp lực lên chương trình đào tạo vốn đã có phần "chật chội".

- Nội dung của học phần Nhân học pháp luật nên được thiết kế theo hướng 30% lý thuyết – 70% kỹ năng. Các vấn đề lý luận chỉ nên được tiếp cận một cách khái quát, cơ bản nhất. Nội dung chính của môn học nên đi vào các kỹ năng, cụ thể là phương pháp đặc thù của Nhân học pháp luật và cách thức vận dụng vào trong thực tiễn pháp lý cũng như nghiên cứu.

- Về phương pháp giảng dạy, bên cạnh việc thuyết giảng, giảng viên có thể thiết kế cho sinh viên thực hành thông qua các buổi điền dã ngắn (trong ngày) hoặc thực hành phỏng vấn, ghi chép thông tin. Sinh viên cũng cần làm quen với các báo cáo đánh giá tác động pháp luật được xây dựng dựa trên góc độ Nhân học pháp luật để có thể ứng dụng vào công việc thực tế.

- Về phương pháp kiểm tra đánh giá, nên có chính sách mở rộng ngoài các hình thức như thi trắc nghiệm, thi viết, thi vấn đáp mà nên tạo điều kiện để đánh giá sinh viên thông qua thực hành điều tra nhân học về một vấn đề pháp lý. Phạm vi, đối tượng điều tra có thể rất nhỏ (gắn với nơi ở, nơi sinh của người học) nhưng phải gắn với những vấn đề pháp lý.

- Về học liệu, cần sớm xây dựng tập bài giảng, hướng tới giáo trình Nhân học pháp luật, trong đó có sự tham gia của cả các chuyên gia nhân học và luật học. Bên cạnh đó cũng cần tổng hợp các nghiên cứu liên quan trong lĩnh vực này để làm nguồn tài liệu cho người học tiếp cận.

3. Kết luận

Nhân học pháp luật là một hướng nghiên cứu lý thú nếu xét trong bối cảnh Việt Nam. Với tình hình dân tộc – tôn giáo, bối cảnh lịch sử, văn hóa của nước ta; việc nghiên cứu Nhân học pháp luật sẽ có rất nhiều dư địa để phát triển. Bên cạnh đó, thông qua tiếp cận Nhân học pháp luật, sẽ có nhiều vấn đề khoa học có thể tiếp tục được làm rõ giúp nâng cao độ đa dạng trong các cách nhìn khoa học về pháp luật. Việc đào tạo Nhân học pháp luật cũng giúp làm tăng tính liên ngành trong đào tạo luật, đồng thời cung cấp cho người học thêm nhiều tri thức, kỹ năng để hành nghề luật (nhất là trong tư vấn và xây dựng chính sách).

Tài liệu tham khảo

[1] Griffiths, Anne (November 1996), *Legal Pluralism in Africa: The Role of Gender and Women's Access to Law (tạm dịch: Chủ nghĩa đa nguyên pháp lý ở Châu Phi: Vai trò của giới và khả năng tiếp cận pháp luật của phụ nữ),* PoLAR. 19 (2): 93–108.

[2] Nguyễn Thị Oanh, *Vận dụng luật tục các dân tộc thiểu số trong hoạt động quản lý của Ủy ban nhân dân đối với lĩnh vực hôn nhân và gia đình tại các tỉnh Tây Nguyên hiện nay,* Tạp chí Công thương, số 11.

[3] Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Chí Ngàn (2016), *Nhân học đại cương*, NXB Đại học Huế, tr. 11.

[4] Nguyễn Văn Sơn (2017), *Phức cảm "Cua" trong nhân cách văn hóa xã hội,* Hội nghị bàn tròn "*Tâm lý học tộc người và tâm lý các tộc người ở Việt Nam"* tại Hội thảo Tâm lý học Khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất "*Hạnh phúc con người và phát triển bền vững,"* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 29/11/2017.

[5] Sally Engle Merry (1988), *Legal Pluralism (tạm dịch: Chủ nghĩa đa nguyên pháp lý)*, Law & Society Review, Vol. 22, No. 5 (1988), pp. 869-896.

[6] Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Nhân học (2013), *Nhân học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[7] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 230.

[8] Trương Thị Hiền, Lê Thị Hồng Gái, Lê Văn Thế, Lưu Thị Dịu (2023), *Nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên hiện nay,* Tạp chí Nghiên cứu dân tộc, số 4, tháng 12.

[9] Võ Khánh Vinh (2018), *Tiếp cận đa ngành, liên ngành, xuyên ngành trong nghiên cứu và đào tạo Luật học ở Việt Nam hiện nay,* Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5.

[10] Võ Khánh Vinh (2022), *Triết học pháp luật – định hướng nghiên cứu và đào tạo mới ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 6.

[11] Vũ Công Giao (2024), *Nghiên cứu về phát triển bền vững tiếp cận đa ngành, liên ngành Luật học*, Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 12.

[12] Vũ Văn Mẫu (1975), *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử diễn giảng,* Sài Gòn.